

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 11

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 5-6/11/2025

Ngày cung cấp TT: 7/11/2025

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Cổng Như Trác	Cổng đóng.
2	2	Cổng Hữu Bị	Cổng đóng.
3	3	Cổng Cốc Thành	Cổng đóng
4	4	Cổng sông Chanh	Cổng mở.
5	5	Cổng Nhâm Tràng	Cổng đóng.
6	6	Cổng Kinh Thanh	Cổng đóng.
7	7	Cổng Cô Đàm	Cổng đóng
8	8	Cổng Vĩnh Trị	Cổng mở.
9	11	Cầu đường 10 với sông Sắt	
10	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
11	13	Đầu kênh CG16	Cổng mở.
12	15	Đầu kênh S17	Cổng mở.
13	16	Đập Vùa (CG12)	Cổng mở.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Nam Định.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
1	Cổng Như Trác	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời âm u, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 79%, gió TB 10 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	6.62	25	5.38	0.2	0.258	1.779	407	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
2	Cổng Hữu Bị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời âm u, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 79%, gió TB 10 km/h. Không có dòng chảy. Cống đóng, mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.08	53	5.7	0.2	0.138	2.266	398	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
3	Cổng Cốc	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Trời âm u, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 90%, gió	7.25	44	5.69	0.2	0.088	2.143	353	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Thành	thông kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	TB 10 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Nước màu vàng đục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
4	Cống Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời âm u, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 86%, gió Bắc 12 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra sông. Cống mở tiêu nước nội đồng. Nước màu vàng lục.	6.95	29	6.01	0.3	0.090	2.219	684	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
5	Cống Nhâm Trảng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Trảng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía	Trời âm u, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 84%, gió Bắc 11 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu	7.23	15	4.98	0.3	0.079	1.624	564	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trắc.	vàng lục.								
6	Cổng Kinh Thanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời âm u, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 84%, gió Bắc 11 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu vàng lục.	7.16	16	4.82	0.3	0.099	1.758	467	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
7	Cổng Cỏ Đam	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên	Trời âm u, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 85%, gió Bắc 10 km/h. Không có dòng chảy. Cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	6.99	22	4.44	0.3	0.089	1.712	386	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
8	Cổng Vĩnh Trị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 84%, gió Bắc 12 km/h. Dòng chảy chậm. Cổng mở tiêu nước ra sông ngoài. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.01	30	5.37	0.3	0.085	1.649	395	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
9	Đầu kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải độc thành phố Nam Định.	Trời âm u, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 90%, gió TB 10 km/h. Dòng chảy rất chậm hướng ra sông Chanh. Nước màu vàng lục.	7.26	36	5.3	0.2	0.126	2.291	402	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với	Trời âm u, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 87%, gió TB 11 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra ngã ba Sông Chanh. Nước màu vàng lục.	7.76	30	5.42	1.6	0.901	7.767	1580	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.									
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 84%, gió TB 12 km/h. Dòng chảy chậm hướng về Vĩnh Trị. Nước màu vàng lục.	7.02	28	5.21	0.3	0.150	2.314	402	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 79%, gió Tây Bắc 9 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng, mực nước sông Sắt cao hơn sông Châu Giang. Nước màu vàng đục.	7.15	28	5.46	0.3	0.092	1.782	581	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh	Trời âm u, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 79%, gió TB 10 km/h.	7.36	38	4.37	0.3	0.149	1.712	592	Chỉ tiêu quan trắc hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
		tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Dòng chảy chậm tiêu nước ra sông Châu Giang, cống mở. Nước màu vàng đục.							trường DO không đạt mức B	
14	Cống 3-2	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 82%, gió TB 11 km/h. Không có dòng chảy, cống mở. Nước màu vàng lục.	7.02	36	5.02	0.3	0.744	2.310	418	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
15	Đầu kênh S17	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 79%, gió TB 10 km/h. Dòng chảy chậm tiêu nước ra sông Sắt. Nước màu vàng lục.	7.16	31	5.28	0.3	0.092	1.763	592	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
16	Đập Vũa (CG12)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời âm u, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 79%, gió TB 10 km/h. Dòng chảy chậm tiêu nước ra sông Châu Giang. Cống mở. Nước	6.9	38	4.66	0.3	0.895	1.781	457	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			màu vàng lục.								B
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời âm u, độ ẩm 79%, gió ĐN 9 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.	7.17	15	4.64	0.3	0.145	1.646	513	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời âm u, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 84%, gió Bắc 10 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Cổ Đam. Nước màu vàng lục.	7.02	36	4.52	0.3	1.795	2.432	378	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
19	Bể hút trạm bơm Quý Độ	Kiểm tra chất lượng nước tại trạm bơm Quý Độ.	Trời âm u, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 85%, gió Bắc 10 km/h. Không có dòng chảy. Cổng đóng. Trạm bơm	7.18	18	4.52	0.3	0.098	1.624	453	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			không hoạt động. Nước màu vàng lục.								B
20	Đầu kênh T5	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 83%, gió TB 12 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.	6.81	39	5.18	0.3	0.638	1.764	566	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Ninh Bình;
- Lãnh đạo Viện;
- Lưu VT, phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 7 tháng 11 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn